TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Liêm.

2. Ông Nguyễn Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tú A, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2024, cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là bà Trần Thị Tú A trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà (Trần Thị Tú A) và ông Lê Thanh M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh C chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, dần về sau vợ chồng bất đồng quan điểm và cả hai không còn sống chung với nhau khoảng 03 năm nay. Bà nhận xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh M.

- *Về con chung:* Có 02 người tên là Lê Gia H (giới tính nam), sinh ngày 27/8/2007 và Lê Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 12/01/2010 hiện con chung đang do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Thanh M đã được triệu tạp hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị Tú A yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lê Thanh M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Trần Thị Tú A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Lê Thanh M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Trần Thị Tú A và ông Lê Thanh M chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Trần Thị Tú A và ông Lê Thanh M được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hoà giải, hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung, cả hai không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Tú A yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh M. Ông Lê Thanh M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét cho thấy, ông Lê Thanh

M không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Tú A và ông Lê Thanh M đã và đang trầm trọng. Bà Trần Thị Tú A cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Trần Thị Tú A yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh M là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Có 02 người tên là Lê Gia H (giới tính nam), sinh ngày 27/8/2007 và Lê Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 12/01/2010 hiện đang do bà Trần Thị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Tú A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung mà không yêu cầu ông Lê Thanh M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung đang do bà Trần Thị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà Trần Thị Tú A nên việc tiếp tục giao con chung cho bà Trần Thị Tú A nuôi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Trần Thị Tú A không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tú A xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Tú A phải chịu chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Tú A ly hôn với ông Lê Thanh M.

2. Về con chung: Giao Lê Gia H (giới tính nam), sinh ngày 27/8/2007 và Lê Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 12/01/2010 cho bà Trần Thị Tú A chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Lê Gia H và Lê Bảo T 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Tú A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Thị Tú A đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014834, ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước